

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ AN THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ AN THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THINH PHAT BUSINESS AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109714718

3. Ngày thành lập: 21/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886698183

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
14.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
15.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
16.	Chăn nuôi khác	0149
17.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
18.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
20.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
21.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
23.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232

24.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
25.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
26.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
27.	Khai thác và thu gom than non	0520
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm)	0990
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040(Chính)
34.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
35.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
36.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
37.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
38.	Sản xuất đường	1072
39.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
41.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
42.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
43.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
44.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
45.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
46.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
47.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
48.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
49.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
53.	In ấn	1811
54.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
55.	Sao chép bản ghi các loại	1820
56.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
57.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng)	2420
58.	Đúc sắt, thép	2431

59.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng)	2432
60.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
64.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
65.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
66.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
69.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
70.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
71.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
72.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
73.	Xây dựng nhà để ở	4101
74.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
75.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
76.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
77.	Phá dỡ	4311
78.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
81.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
82.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
83.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ loại nhà nước cấm	4620
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633

86.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
87.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
88.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
89.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
92.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
93.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
94.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
95.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
96.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
97.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
98.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
99.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
100.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
102.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
105.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

108.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí) Chi tiết: - Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình;	4773
109.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
110.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
111.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
112.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
113.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
114.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
115.	Lập trình máy vi tính	6201
116.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
117.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
118.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
119.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	6820
120.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
121.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
122.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
123.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
124.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
125.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
126.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
127.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230

128.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Thôn Định Cư Đông, Xã Đông Trà, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	034189009680	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

2	NGUYỄN ANH TUẤN	TDP 9, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	001082035388
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000	
3	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Phó Thống Nhất, Thị Trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	037098000470
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082035388

Ngày cấp: 26/05/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: TDP 9, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP 9, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội